

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HS-ST

Ngày: 06-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chí Thức - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975; Nơi sinh: xã Long Khánh B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Nơi ĐKKHKT: ấp Long Châu, xã Long Khánh B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở: ấp Long Châu, xã Long Khánh B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1942 (sống) và bà Đào Thị N, sinh năm 1955 (chết); Có vợ và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: chưa có tiền án, tiền sự; Tạm giữ

ngày 08/12/2017; Tạm giam ngày 11/12/2017. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hồng Ngự. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Nguyễn Văn Lễ (L2), sinh năm 1976; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Phú Thượng, xã Phú Thành, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: ấp Long Châu, xã Long Khánh B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Phan Văn H, sinh năm 1943; Nơi cư trú: ấp Long Thạnh A, xã Long Khánh A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

2/ Huỳnh Thị D, sinh năm 1973; Nơi cư trú: ấp Long Thái, xã Long Khánh B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1/ Nguyễn Văn S (Vắng mặt).

2/ Nguyễn Văn Th (Vắng mặt).

3/ Nguyễn Văn Lợi (Vắng mặt).

4/ Nguyễn Ngọc L4 (Có mặt).

5/ Nguyễn Văn T1 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ, ngày 22/6/2017, Nguyễn Thanh T từ phường AT, thị xã HN đi về nhà, khi đi ngang Ban trị sự PGHH thuộc ấp LC, xã LK, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, T vào trong lễ đài Ban trị sự thấp hương, T phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 66L1-2942 của anh Nguyễn Văn L đang dựng trước sân Ban trị sự không có người trông giữ, nên nảy sinh ý định lấy trộm xe. T đến dẫn xe anh L ra khỏi cổng rào Ban trị sự được khoảng 30m hướng về bến đò CM. Lúc này, ông Nguyễn Văn S phát hiện nên vào Ban trị sự báo cho anh L biết có người trộm xe. Sau đó, anh L cùng anh Nguyễn Văn L đuổi theo lấy xe lại, T bỏ về nhà. Sau đó, anh Nguyễn Văn L trình

báo Công an xã, còn T bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định truy nã. Đến ngày 08/12/2017, T ra đầu thú.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô hiệu DAMOT, màu xanh, biển kiểm soát 66L1-2942; số khung 5A0E4302; số máy 3-5A1E4302 (đã qua sử dụng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 05 ngày 13/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hồng Ngự, kết luận: 01 xe mô tô hiệu DAMOT, màu xanh, biển kiểm soát 66L1-2942; số khung 5A0E4302; số máy 3-5A1E4302 (đã qua sử dụng), giá trị còn lại là 2.100.000 đồng.

Đối với xe mô tô hiệu DAMOT, màu xanh, biển kiểm soát 66L1-2942; số khung 5A0E4302; số máy 3-5A1E4302 (đã qua sử dụng) do anh Phan Văn H là chủ sở hữu bán lại cho chị Huỳnh Thị D, chị Huỳnh Thị D bán lại cho anh Nguyễn Văn L nhưng chưa làm thủ tục sang tên.

Cơ quan điều tra đã trao trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Văn L xong và anh L không yêu cầu bồi thường các khoản nào khác.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 02/CT-VKS, ngày 04/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 với mức hình phạt từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Về dân sự: Anh L2 không yêu cầu, nên không đề cập đến. Về vật chứng: không phát sinh nên không đề cập đến.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Văn L thống nhất với cáo trạng truy tố, xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh T thừa nhận hành vi phạm tội, thống nhất với cáo trạng truy tố, xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thanh T tại phiên tòa hôm nay phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với nội dung của cáo trạng, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và còn được chứng minh bởi các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án được đánh giá tại phiên tòa hôm nay như: biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản thu hồi tang vật... Có thể thấy rằng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà không cần phải lao động nên bị cáo đã nảy sinh ý định lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, cụ thể: bị cáo lợi dụng sự mất cảnh giác của người bị hại nên đã thực hiện việc lén lút lấy trộm của anh Nguyễn Văn L 01 chiếc xe mô tô hiệu DAMOT, màu xanh, biển kiểm soát 66L1-2942; số khung 5A0E4302; số máy 3-5A1E4302 (đã qua sử dụng) với giá trị còn lại là 2.100.000 đồng, vì vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh T đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[2] Như vậy, với các tình tiết, chứng cứ của vụ án đã được chứng minh ở trên, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Cho nên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

[4] Tội phạm mà bị cáo gây ra đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mặt khác còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo sợ, thiếu an tâm. Bản thân bị cáo có sức khỏe, đáng ra bị cáo phải tìm cho mình một việc làm phù hợp, sống bằng chính nguồn thu nhập hợp pháp của mình, nhưng bị cáo không làm được điều đó, với bản chất lười biếng lao động, lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo dễ dàng dẫn đến con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo một cách nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[5] Xét về nhân thân của bị cáo là thành phần nhân dân lao động, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thật thà khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải, trước phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt; bị hại làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; sau khi có quyết định truy nã bị cáo đã ra đầu thú. Vì vậy, áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo lúc lượng hình, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần bắt bị cáo cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo để giúp cho bị cáo trở thành một công dân tốt có ích cho gia đình và cho xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn L không yêu cầu, nên không đặt ra để xem xét.

[8] Về vật chứng: Trong giai đoạn điều tra đã trả lại cho bị hại xong, nên không đặt ra để xem xét.

[9] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2017.

* Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Cơ quan CSĐT công an huyện Hồng Ngự;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng